

Bản án số: 339/2021/HC-PT

Ngày: 28 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 757/2020/TLPT-HC ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 285/2021/QĐPT-HC ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Vương Quốc B, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú tại địa chỉ: Tổ X, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Văn M - Luật sư Công ty luật TNHH MTV Mạnh Long thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Trụ sở tại địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh B - Chức vụ: Chủ tịch (có đơn vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Ngọc H – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B; Trụ sở tại địa chỉ: Đường 6/X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuệ H - Chức vụ: Chủ tịch (có đơn vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh B: Ông Phạm Văn T – Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai-Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Trụ sở tại địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Hải Y – Chức vụ: Chủ tịch ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Đặng Bảo N (có mặt).

3. Bà Lê Thị M, sinh năm 1980; Nơi cư trú tại địa chỉ: Tổ X, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (xin vắng);

4. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1962 (có mặt);

5. Bà Lê Thị T, sinh năm 1964; Nơi cư trú tại địa chỉ: Tổ X, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt);

6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955 (có mặt);

7. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; Nơi cư trú cùng địa chỉ: Số nhà 5xG, nhà ở xã hội H, ấp X, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt);

8. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1981 (có mặt);

9. Ông Giang Công C, sinh năm 1975 (có mặt);

10. Ông Đàm Thế T, sinh năm 1962 (có đơn vắng mặt);

11. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1964 (có mặt);

12. Bà Bùi Thị D1, sinh năm 1975 (có đơn vắng mặt);

13. Ông Đàm Mạnh L, sinh năm 1986 (có đơn vắng mặt);

14. Bà Đàm Thị Huyền T, sinh năm 1993 (có đơn vắng mặt);

Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Tổ X, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

- Người làm chứng: Ông Hoàng Văn X, sinh năm 1936; Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1957 và Ông Thái Khắc T, sinh năm 1961 (*Tòa không triệu tập*);

- Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện thể hiện: Năm 2017, hộ ông Vương Quốc B bà Lê Thị M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị N ông Nguyễn Văn H đối với Thửa đất số 505, tờ bản đồ số 15, diện

tích 445m² và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà có diện tích 78,2m², một số cây trồng và công trình khác, tọa lạc tại khu phố X, phường T, thành phố Đ, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 00683 QSDĐ/2062/QĐUB ngày 07 tháng 9 năm 2001. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông B bà M đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp GCNQSDĐ số CS 06952 ngày 20 tháng 6 năm 2017.

Qua quá trình sử dụng con đường chung để đi lại vào đất và nhà đã nhận chuyển nhượng trên, đã có sự tranh chấp về con đường đi chung giữa hộ ông B bà M và hộ ông Nguyễn Ngọc T. Tuy nhiên, gần đây ông B bà M mới biết được con đường đi chung này của dân cư đã được cấp và cấp đổi vào GCNQSDĐ số CH 04686/QSDĐ/3670/QĐ-UBND ngày 06/12/2013 của UBND thị xã Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T đối với Thửa đất số 156 có diện tích 13.655,7m², tờ bản đồ số 15 (sau đây gọi tắt là Thửa đất số 156, GCNQSDĐ số CH 04686) và GCNQSDĐ số H 01484/QSDĐ/6448/QĐ-UB ngày 14/12/2005 của UBND thị xã Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T đối với Thửa đất số 180 có diện tích 3.218,4m², tờ bản đồ số 15 (sau đây gọi tắt là Thửa đất số 180, GCNQSDĐ số H 01484). Hai thửa đất số 156 và 180 này giáp ranh nhau và cùng tọa lạc tại khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người khởi kiện cho rằng việc cấp và cấp đổi các GCNQSDĐ trên cho hộ ông Nguyễn Ngọc T đối với Thửa đất số 156 và Thửa đất số 180 đã cấp chồng lên cả đường đi chung mà hộ ông B bà M và rất nhiều hộ dân khác đã và đang sử dụng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc đi lại và làm ăn sinh sống của họ nên ông B đã đứng ra làm đơn khởi kiện đối với UBND thành phố Đ về việc yêu cầu hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH 04686 và GCNQSDĐ số H 01484 đã cấp đổi trên.

Theo như ý kiến trình bày của người bị kiện: UBND thành phố Đ cho rằng quy trình cấp các GCNQSDĐ lần đầu và các lần cấp đổi cho hộ ông Nguyễn Ngọc T đối với Thửa đất số 156 và Thửa đất số 180 là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của ông Vương Quốc B là không có cơ sở nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vương Quốc B. Bởi các lý do:

Thứ nhất, Nguồn gốc sử dụng thửa đất số 156, tờ bản đồ số 15 của ông Nguyễn Ngọc T: Ngày 01/10/2001, hộ ông Nguyễn Ngọc T được UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00632/QSDĐ/2302/QĐ-UB thửa đất số 156, tờ bản đồ số 15, phường Tân Đồng, diện tích 17.107 m², trong đó có 150 m² đất ở, 16.957 m² đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng đất được UBND phường T xác nhận từ tháng 7 năm 1993. Ngày 18/10/2006, hộ ông Nguyễn Ngọc T được UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) cấp đổi Giấy chứng nhận số 00632/QSDĐ/2302/QĐ-UB theo Quyết định số 6319/QĐ-UBND ngày 18/10/2006. Giấy chứng nhận mới được vào sổ: H 01848/QSDĐ/6319/QĐ-UB thửa đất số 156, tờ bản đồ số 15, phường Tân Đồng, diện tích 17.107m². Trong đó có 150m² đất ở, 16.957m² đất trồng cây lâu năm. Ngày 31/10/2011, hộ ông Nguyễn Ngọc T được UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận số 03860/QSDĐ thửa đất số 905, tờ bản đồ số 15, phường Tân Đồng, diện tích 1.191,6m². Ngày 15/6/2012, hộ ông Nguyễn Ngọc T được UBND thị xã Đ

(nay là UBND thành phố Đ) cấp đổi giấy chứng nhận số: H 01848/QSDĐ/6319/QĐ-UB, GCN số 03860/QSDĐ thửa đất số 156, tờ bản đồ số 15, phường Tân Đồng, diện tích 13.832m² (Thửa 156 được hợp thành từ thửa 156 và thửa 905, tờ bản đồ số 15). Ngày 06/12/2013, hộ ông Nguyễn Ngọc T được UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) cấp đổi giấy chứng nhận số CH 4135/QSDĐ/1975/QĐ-UB thành giấy chứng nhận số CH 04686/QSDĐ/3670/QĐ-UB theo Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 06/12/2013. *(Tại Văn bản số 38/UBND-NC ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ và Văn bản số 1797/UBND-NC ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ).*

Thứ hai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T và hộ bà Nguyễn Thị N đúng theo quy định: có bản đồ địa chính, đầy đủ hồ sơ xét duyệt của cơ quan có thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục. Đất của ông Vương Quốc B nhận chuyển nhượng của hộ bà Nguyễn Thị N là đất nông nghiệp, thời điểm lập bản đồ địa chính đất của bà Nguyễn Thị N không tiếp giáp với đường *(Tại Văn bản số 3934/UBND-NC ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh B).*

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Lê Thị M, ông Giang Công C, ông Trần Văn Đ, ông Đàm Thế T, ông Đàm Mạnh L, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N, bà Bùi Thị D, bà Bùi Thị D1, bà Đàm Thị Huyền T cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Vương Quốc B.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 52 của Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16 tháng 3 năm 1998 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Căn cứ khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vương Quốc B,

Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 4686/QSDĐ/3670/QĐ-UB ngày 06/12/2013 của Ủy ban nhân dân thị xã, nay là thành phố Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T đối với Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;

Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01848/QSDĐ/6448/QĐ-UB ngày 14/12/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã, nay là thành phố Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T đối với Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/9/2020 và ngày 02/10/2020 người bị kiện UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T đều có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước với nội dung: Yêu cầu phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vương Quốc B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị kiện và ông Nguyễn Ngọc T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày ý kiến: Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc T là đúng quy định pháp luật; Do đó việc ông B yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Nguyễn Ngọc T là không có cơ sở.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 của Bộ luật tố tụng hành chính để không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về tính hợp pháp và tính có căn cứ của việc cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) cho hộ ông Nguyễn Ngọc T, bà Lê Thị T đối với 02 thửa đang tranh chấp 156 và 180, thấy rằng:

Tại thời điểm xét duyệt cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc T, bà T đã không tiến hành thẩm tra, xác minh hiện trạng sử dụng thực tế, không lập biên bản xác định ranh giới theo quy định của Tổng cục địa chính dẫn đến việc cấp QSD đất cho ông Nguyễn Ngọc T bị chồng lấn lên lối đi chung của các hộ dân phía trong. Tòa sơ thẩm nhận định về trình tự, thủ tục của việc cấp, cấp đổi QSD đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc T của UBND thành phố Đ có thiếu sót, không đúng quy định pháp luật là có cơ sở.

[2]. Xét lý do yêu cầu kháng cáo của người bị kiện và ông Nguyễn Ngọc T, thấy rằng: Theo những người làm chứng, người hiểu biết sự việc như: ông Hoàng Văn X (sinh năm 1936) nguyên là Tổ trưởng tổ dân phố X, ấp T, thị trấn Đ; ông Đỗ Văn T (sinh năm 1957), Thái Khắc T (sinh năm 1961) là người sinh sống gần phần đất từ năm 1985; Nguyễn Văn H (sinh năm 1955); bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1954) đều xác định: “con đường đi hiện ông B khởi kiện là con đường đất (đường mòn, đường nhỏ nông thôn, con đường xe bò) kéo dài từ con đường lớn về

tới suối cạn...được xác định để làm ranh phân định giữa khu phố 3 và khu phố 4, thị trấn Đồng Xoài”;

Tại biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa sơ thẩm cũng thể hiện: thực tế có con đường đi chung đang sử dụng, năm 2015 - 2016 được các hộ dân đổ bê tông, phần lớn nằm trên thửa đất 180, 156 của hộ ông Nguyễn Ngọc T; bản thân ông Nguyễn Ngọc T cũng xác định từ khi chuyển nhượng đất của ông D về cất nhà ở thì đã có con đường đi chung này;

Tại văn bản số 726/VPĐKĐĐ-ĐĐĐBĐ ngày 27/8/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cũng xác định: *Trong tổng diện tích đường bê tông hiện hữu (đang tranh chấp), thì có 01 phần (118,4m²) chưa được chỉnh lý trên bản đồ địa chính và trên GCN của các hộ dân giáp đường;...có 87,0m² của thửa 180 đã cấp giấy CNQSD đất cho ông Nguyễn Ngọc T.*

[3] Từ những phân tích, chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định thực tế có con đường đi chung của cộng đồng dân cư tồn tại trước khi cấp, cấp đổi QSD đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc T, được cơ quan có thẩm quyền tỉnh Bình Phước xác định nằm trên thửa 180 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T. Nên người khởi kiện cho rằng việc cấp GCN QSD đất cho ông Nguyễn Ngọc T có phần chồng lấn lên lối đi chung, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ dân dân sử dụng con đường chung này là có cơ sở.

Tuy nhiên, theo Mảnh trích đo địa chính số 45/2020 của Chi cục quản lý đất đai, Văn Phòng đăng ký đất đai và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xác định: diện tích con đường theo người khởi kiện là ông B chỉ ranh có diện tích 372,5m²; còn theo con đường bê tông hiện hữu giáp thửa 180 có diện tích 185,5m²; Còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc T tại thửa 180 có diện tích 3.218,4m², thửa 156 có diện tích 13.655,7m² là lớn gấp nhiều lần diện tích con đường đang tranh chấp. Nhưng tòa sơ thẩm tuyên hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T tại 02 thửa 156, 180 và không kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính đã bị hủy là chưa đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Cấp phúc thẩm cần sửa án, bổ sung thêm cho đầy đủ, nhằm đảm bảo việc thi hành án.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[4]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Bộ luật tố tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Vương Quốc B.

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước theo hướng bổ sung cho đầy đủ, cụ thể:

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vương Quốc B

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 4686/QSĐĐ/3670/QĐ-UB ngày 06/12/2013 cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T đối với Thửa đất số 156 và và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01484/QSĐĐ/6448/QĐ-UB ngày 14/12/2005 cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T đối với Thửa đất số 180, cùng tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;

Kiến nghị UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước điều chỉnh diện tích đất trong Quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc T theo hướng trừ đi diện tích thực tế con đường đi chung của các hộ dân (theo *Mảnh trích đo địa chính số 45/2020 của Chi cục quản lý đất đai, Văn Phòng đăng ký đất đai và Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B*).

2. Án phí hành chính phúc thẩm người bị kiện UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T mỗi người phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 015363 ngày 19/10/2020 của UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 015361 ngày 19/10/2020 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết